TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN KIẾN AN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, TP.HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lẫy

Bà Bùi Thùy Linh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang, Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn Q

ĐKNK: Tổ 5, Khu 3, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Thôn D, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Hà Thị T

Nơi cư trú: Tổ 5, khu 3, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Phạm Văn Q trình bày: Anh và chị Hà Thị T kết hôn với nhau tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, anh và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống tại Tổ 5, Khu 3, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung

sống, thời gian đầu hòa thuận, sau đó thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Căng thẳng nhất vào khoảng tháng 9 năm 2017, do mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc anh và chị T đánh cãi nhau, anh và cháu Phạm Đức H đã về nhà mẹ anh tại Thôn D, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, hai bên không có bất cứ trách nhiệm, tình cảm gì đối với nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện. Đến nay, mâu thuẫn giữa anh và chị T đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hà Thị T.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị T có 01 con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 05-9-2010. Cháu H đang sống chung cùng với anh và gia đình tại Thôn D, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Hiện cháu Phạm Đức H đang học tại Trường Tiểu học xã Tân Viên, huyện An Lão từ năm 2017 đến nay. Anh là lao động tự do, điều kiện sức khỏe bình thường, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) đến 7.000.000đ (bảy triệu đồng), có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, do vậy khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, tại phiên tòa anh bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Kiến An chia tài sản chung của vợ chồng theo hướng các tài sản chung đều được chia đôi, mỗi người một nửa. Tuy nhiên giữa anh và chị T chưa thống nhất được cụ thể tài sản chung của anh và chị T gồm những gì, nhưng anh vẫn đề nghị chia đôi tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Lời trình bày của chị Hà Thị T có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Q về điều kiện, thời điểm kết hôn cũng như quá trình sống ly thân. Chị trình bày trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại Tổ 5, Khu 3, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng bình thường. Tuy nhiên khoảng tháng 9 năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng, anh Q có đánh chị sau đó cùng con trai là cháu Phạm Đức H về sống tại Thôn Du Viên, xã Tân Viên, huyện An Lão còn chị vẫn sống tại Tổ 3, Khu 5, phường T, quận K. Từ đó đến nay, anh Q không có bất cứ trách nhiệm gì đối với chị, không về sống chung cùng với chị, không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho chị. Chị hiện sức khỏe yếu, thường xuyên phải đi khám tại bệnh viện tư nhân nhưng chưa xác định được tình trạng bệnh tật, do vậy chị không đồng ý ly hôn với anh Phạm Văn Q. Về con chung, chị và anh Q có 01 con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 05-9-2010. Cháu hiện sống cùng anh Q tại Thôn D, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và đang học tại đó từ tháng 9 năm 2017. Nếu phải ly hôn, chị nhận nuôi con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện là lao động tự do, tuy nhiên do sức khỏe yếu nên thu nhập hàng tháng chỉ khoảng 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền này chỉ tạm đủ tiền thuốc men và chi tiêu cá nhân. Sau khi chị nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị mới làm đơn đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng ghi ngày 13-

3-2020 gửi Tòa án nhân dân quận Kiến An, tuy nhiên đến nay chị và anh Q vẫn chưa thống nhất xác định được tài sản chung của vợ chồng gồm những gì, nhưng chị vẫn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của chị và anh Q theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án về cơ bản Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho anh Phạm Văn Q được ly hôn với chị Hà Thị T. Về con chung, đề nghị giao con Phạm Đức H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi của pháp luật; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Nếu anh Q và chị T có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Về án phí, buộc anh Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hà Thị T là bị đơn, hiện đang cư trú tại Tổ 5, Khu 3, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Do đó, vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 14 tháng 4 năm 2010, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của anh Phạm Văn Q, chị Hà Thị T và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ, chồng anh Q, chị T đã phát sinh do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống; từ tháng 9 năm 2017 do mâu thuẫn, anh Q và chị T đánh cãi nhau, sau đó vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay, anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T đều không có bất cứ sự quan tâm, trách nhiệm, tình cảm gì với nhau, không còn coi nhau là vợ, chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T đã trầm trọng và kéo dài, đời sống chung thực tế đã không tồn tại từ tháng 9 năm 2017, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T có 01 con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 05-9-2010. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T đều nhận nuôi con chung. Tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa thể hiện: Anh Phạm Văn Q lao động tự do, có sức khỏe, có thu nhập khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ một tháng; chị Hà Thị T là lao động tự do, có thu nhập khoảng 3.000.000đ một tháng. Chị Hà Thị T phải thường xuyên đi

điều trị bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh tư nhân nhưng chưa rõ tình trạng bệnh tật, tình trạng sức khỏe yếu. Cháu Phạm Đức H hiện đang sống chung cùng với anh Phạm Văn Q và học tại Trường Tiểu học xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Như vậy về điều kiện, khả năng, sức khỏe để chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh Phạm Văn Q có điều kiện hơn so với chị Hà Thị T. Để đảm bảo sự ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cũng như để cháu H có điều kiện phát triển một cách tốt nhất, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phạm Đức H cho anh Phạm Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Đức H. Đây cũng là quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An tại phiên tòa.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn Q bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Kiến An chia tài sản chung của anh và chị T. Yêu cầu này của anh Phạm Văn Q là yêu cầu mới, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 5, khoản 4 Điều 70, Điều 71, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210 và Điều 243 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Phạm Văn Q. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Hà Thị T mới có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng ghi ngày 13 tháng 3 năm 2020. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 27-02-2020 Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, như vậy chị Hà Thị T đưa ra yêu cầu chia tài sản chung sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do vậy Tòa án không chấp nhận thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Hà Thị T trong vụ án này. Như vậy, anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T có quyền khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210, Điều 243, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn Q ly hôn chị Hà Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 05-9-2010 cho anh Phạm Văn Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T. Anh Phạm Văn Q và chị Hà Thị T có quyền khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ do anh Q đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007512 ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Q, chị Hà Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An.
- UBND phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (ĐKKH: 14/4/2010);
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông